TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 25-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Huy Tưởng
Ông Nguyễn Văn Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký TAND khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt A – Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2025/TLST - HS ngày 23/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST–HS ngày 10/7/2025, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Trung H**, sinh năm 2002; Tên gọi khác: không; Nơi thường trú: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn C và bà Thăng Thị L; vợ, con: chưa có;

Tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 1009/2022/HSPT ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt H 20 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; H chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2024.
Tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 226/2020/HSST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt H 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (tại thời điểm phạm tội, H là người dưới 18 tuổi); H chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/3/2021, chấp hành xong án phí ngày 29/3/2021.

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2025 đến nay (có mặt tại phiên toà).

- ***Bị hại***: Anh Hoàng Minh S – sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn)

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

1. Anh Phạm Văn T – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình).

2. Anh Bùi Tiến T1 – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường X, thành phố Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Trung H, sinh năm 2002, trú tại thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang) đang có 01 tiền án. Khoảng đầu tháng 7/2024, H là công nhân làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 (viết tắt là Công ty H3), địa chỉ ở Khu công nghiệp Đ, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh). Công ty H3 phân H ở chung cùng anh Hoàng Minh S, sinh năm 1999, trú tại thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn); anh Nguyễn Việt H1, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội (nay là xã X, thành phố Hà Nội) đều là công nhân Công ty H3 tại phòng trọ số C, tầng C, tòa nhà C2 ký túc xá xây dựng bên trong khuôn viên Công ty H3.

Khoảng 07 ngày 17/7/2024, anh S và anh H1 đến Công ty H3 làm việc, còn H một mình ở lại phòng 319. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H thấy tủ đồ cá nhân của anh S không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H mở cánh tủ đồ của anh S rồi lấy trộm được trong tủ: 01 chìa khóa xe mô tô biển số 12L1-280.56, loại khóa từ bấm mở thông minh; 01 ví da màu đen, loại ví gấp, bên trong có: số tiền 200.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Minh S, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56. H cất giấu tài sản, giấy tờ lấy được của anh S trên người rồi ra tủ để giầy lấy trộm 01 đôi giầy thể thao màu trắng- vàng của anh S đi vào chân và dọn toàn đồ đạc của H bỏ đi khỏi phòng trọ. Tiếp đó, H xuống khu vực nhà để xe của Công ty H3, dùng chìa khóa từ lấy trộm bấm mở tìm xe mô tô của anh S để trộm cắp. Thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 (viết tắt là xe mô tô biển số 12L1-280.56) của anh S nhấp nháy đèn. H ngồi lên xe mô tô biển số 12L1-280.56 của anh S, đề xe nổ máy để bỏ đi khỏi Công ty H3. H điều khiển xe mô tô trộm cắp ra đến cổng A3 Công ty H3 thì gặp lực lượng bảo vệ gồm chị Vũ Thị Q, sinh năm 1972, trú tại thôn V, xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã G, tỉnh Nghệ An); anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1971, trú tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh) và anh Lê Đại L1, sinh năm 2000, trú tại khu phố E, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Tại đây, lực lượng bảo vệ yêu cầu H cung cấp vé xe mô tô thì cho ra khỏi Công ty. Lúc này, H nói dối để quên vé xe mô tô ở trên phòng trọ,

H lấy căn cước công dân của anh S và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 của anh S đưa cho chị Q, anh Đ và anh L1 kiểm tra. Sau khi kiểm tra, lực lượng bảo vệ thấy giấy tờ xe trùng khớp với giấy tờ tùy thân và biển số xe mô tô H đang đi nên cho H đi khỏi công ty. Cùng ngày 17/7/2024, H điều khiển xe mô tô biển số 12L1-280.56 trộm cắp của anh S đến cửa hàng cầm đồ tại số I, ngõ C, đường P, phường X, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường X, thành phố Hà Nội), do anh Phạm Văn T, sinh năm 1984, trú tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) để bán xe. Tại đây, H nói dối xe mô tô biển số 12L1-280.56 là tài sản của H rồi bán xe cho anh T lấy 17.000.000 đồng. Khi bán xe mô tô biển số 12L1-280.56, H có viết giấy bán xe mang tên H đưa cho anh T đồng thời đưa cùng giấy đăng ký xe, căn cước công dân mang tên anh S cho anh T giữ. Bán xe mô tô trộm cắp xong, H bỏ trốn khỏi địa phương, đồng thời vứt bỏ giầy, ví trộm cắp của anh S và ăn tiêu hết số tiền bán tài sản trộm cắp cùng tiền trộm cắp. Sau khi mua được xe mô tô của H, anh T đã bán lại cho anh Bùi Tiến T1, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường X, thành phố Hà Nội). Tiếp đó, anh T1 đã bán lại xe mô tô biển số 12L1-280.56 cùng giấy đăng ký xe cho người không biết họ tên, địa chỉ.

Ngày 07/10/2024, anh Hoàng Minh S trình báo hành vi bị chiếm đoạt tài sản nêu trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã V (nay là công an tỉnh B).

Cơ quan điều tra đã thu giữ được tại camera khu vực cổng A3 công ty H3 video ghi lại hình ảnh H làm thủ tục ra vào và điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh S ra khỏi công ty vào ngày 17/7/2024. Anh T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 giấy bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 do H viết và ký tên ngày 17/7/2024; 01 giấy bán xe anh T viết khi bán xe cho anh T1 và 01 căn cước công dân số 020099006292 mang tên Hoàng Minh S.

Tại kết luận định giá tài sản số 175 ngày 30/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V định giá và kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 của anh S bị chiếm đoạt ngày 17/7/2024 có trị giá 30.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44 ngày 24/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V, định giá và kết luận các tài sản khác của anh S bị chiếm đoạt ngày 17/7/2024, trong đó: 01 đôi giầy thể thao nam màu trắng- vàng trị giá 90.000 đồng; 01 ví da màu đen, loại gấp trị giá 40.000 đồng.

Ngày 27/3/2025, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với công an phường B (nay là công an phường V) xác minh được chi phí cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là 50.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 830 ngày 05/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) kết luận: Chữ ký, chữ viết trên giấy bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 có tên và chữ ký của H với anh T vào ngày 17/7/2024 do anh T giao nộp là của H viết và ký tên.

Ngày 11/4/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) đã bắt truy nã đối với Hoàng Trung H theo Quyết định truy nã số 3450 ngày 28/3/2025. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Trung H khi bỏ trốn đang thuê trọ tại khu phố M, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường P, tỉnh Bắc Ninh), đã thu giữ được: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại, nhưng không phát hiện nội dung gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra tiến hành cho anh S, bị cáo nhận diện người trong video thu giữ nêu trên, kết quả cả hai xác nhận người trong trong video điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 trộm cắp ra khỏi công ty H3 vào ngày 17/7/2024 chính là H.

Tại bản Cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 23/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên (nay là khu vực 2 – Bắc Ninh) đã truy tố bị cáo Hoàng Trung H ra trước Toà án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là khu vực 2 – Bắc Ninh) để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật.

Bị hại anh Hoàng Minh S trình bày: anh và bị cáo H ở cùng phòng của ký túc xá công ty H3, ngày 17/7/2025 khi anh đi làm thì bị cáo H ở phòng và đã trộm cắp của anh 01 ví da, 01 đôi giày thể thao, số tiền 200.000 đồng và 01 xe máy biển kiểm soát 12L1-280.56. Đến nay bị cáo chưa trả lại các tài sản đã trộm cắp, anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản trộm cắp theo giá của hội đồng định giá là 30.830.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Trung H từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 11/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, viền màu đỏ đen có số imei 1: 359366093045450, imei 2: 359366093045568 lắp sim điện thoại số 0338.850.994 (được niêm phong), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường anh Hoàng

Minh S số tiền 30.830.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên

Lời nói sau cùng: bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên (nay là khu V - Bắc Ninh), Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hoàng Minh H2 đang có 01 tiền án. Khoảng 10 giờ ngày 17/7/2024, tại phòng số 319, tầng 3, tòa nhà C2 ký túc xá công ty trách nhiệm hữu hạn H3, địa chỉ ở Khu công nghiệp Đ, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh), lợi dụng trong phòng không có ai; H2 đã lén lút mở tủ đồ của anh S đang không khóa rồi trộm cắp được của anh S: 01 ví da màu đen trị giá 40.000 đồng, bên trong ví có: số tiền 200.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên anh S, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 mang tên chủ sở hữu là anh S; 01 chìa khóa từ bấm mở thông minh của xe mô tô biển số 12L1-280.56; 01 đôi giầy thể thao nam màu trắng- vàng trị giá 90.000 đồng. Tiếp đó, H2 đi xuống nhà xe công ty H3 dùng chìa khóa trộm cắp trước đó mở khóa xe rồi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 12L1-280.56 trị giá 30.500.000 đồng của anh S. H2 bán xe trộm cắp kèm theo giấy đăng ký xe, căn cước công dân của anh S cho người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân, còn lại vứt bỏ ví, giầy. Sau đó H2 bỏ trốn khỏi địa phương và bị Cơ quan điều tra bắt truy nã. Cơ

quan điều tra chỉ thu giữ được Căn cước công dân trả lại bị hại. Tổng trị giá tài sản Hoàng Trung H trộm cắp của anh Hoàng Minh S là 30.830.000 đồng.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 21/6 /2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án năm 2022

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có 01 tiền án, nay lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã nhiều lần bị Toà án đưa ra xét xử, đã bị áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Xét về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: anh Hoàng Minh S yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại trong vụ án với tổng số tiền là 30.830.000 đồng, hiện tại bị cáo chưa bồi thường cho anh S. Do vậy cần căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường anh Hoàng Minh S số tiền 30.830.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: cơ quan điều tra đã trả lại anh S 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Minh S. Đưa 01 giấy bán xe Hiếu viết ngày 17/7/2024 khi bán xe cho anh T và 01 giấy bán xe anh T viết khi bán xe cho anh T1 vào hồ sơ vụ án. Đối với ví, giầy trộm cắp, bị cáo không nhớ chỗ vứt. Xe mô tô bị trộm cắp cùng đăng ký xe, anh T1 không biết địa chỉ của người mua lại xe nên Cơ quan điều tra không thu giữ được để trả lại bị hại. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, là tài sản của bị cáo không dùng phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[10] Đối với anh Phạm Văn T và anh Bùi Tiến T1 khi mua xe mô tô của H đều không biết là tài sản trộm cắp của người khác nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[11] Bị cáo hiện đang tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Trung H 02 năm (*hai năm*) tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 11/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, viền màu đỏ đen có số imei 1: 359366093045450, imei 2: 359366093045568 lắp sim điện thoại số 0338.850.994 (được niêm phong), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường anh Hoàng Minh S số tiền 30.830.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.541.500 đồng (*Một triệu năm trăm bốn mốt nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Tuyết